

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 735/2025/HS-ST

Ngày: 21-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

3/ Bà Võ Thị Thanh Tâm.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 918/2025/HSST ngày 08/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6430/2025/QĐXXST-HS ngày 30/10/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Chí T**; giới tính: nam; sinh ngày 04/9/1993 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phan Chí H và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Đặng Thủy N, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/11/2016, bị Toà án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo Bản án số 308/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành án xong theo Giấy chứng nhận số 1092/GCN ngày 05/10/2018 của Trại giam A Cục C.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Phạm Văn B1, Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Văn B1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; nơi cư trú: 584/17 đường N, tổ I, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn K1, sinh năm 2002; nơi cư trú: 584/17 đường N, tổ I, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Đỗ Chí L1, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện B (nay là xã V), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Chí T kinh doanh về lĩnh vực sửa chữa ô tô tại Gara N tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình kinh doanh thua lỗ dẫn tới thiếu nợ nên T nảy sinh ý định thuê xe ô tô của người khác đem cầm cố để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Để thực hiện ý định trên, ngày 12/11/2024, T đến Công ty TNHH MTV K2 đặt tại Khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) hỏi thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra, màu trắng mang biển số 61K-473.01 của ông Nguyễn Văn K và T đưa thông tin gian dối thuê xe để làm phương tiện đi lại, ông K đồng ý. Ông K và Thành lập hợp đồng thuê xe đề ngày 12/11/2024, thời hạn 01 ngày (từ 12 giờ ngày 12/11/2024 đến 12 giờ ngày 13/11/2024) với giá 900.000 đồng/ngày và hai bên ký xác nhận, ông K giao xe cho T kèm theo Giấy chứng nhận đăng kiểm đối với xe ô tô trên.

Sau khi nhận xe của ông K, T lên trang mạng xã hội để thuê (đối tượng không rõ) làm một dấu vuông đỏ có chữ “Đội đăng ký xe - Phòng C1 Công an tỉnh B” và T làm “Giấy hẹn” đề ngày 29/10/2024 của Đội đăng ký xe - Phòng C1 Công an tỉnh B về việc hẹn trả kết quả cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 61K-473.01 cho Phan Chí T. Sau đó, T dùng một dấu vuông đóng vào “Giấy hẹn” và tự ký chữ ký của cán bộ tên “Triệu Đức M”. Sau đó, T điều khiển xe ô tô biển số 61K - 473.01 đến tiệm C2, địa chỉ: phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Trần Thị L làm chủ để cầm cố. Tại đây, T gặp bà L và đưa “Giấy hẹn” cho bà L xem và nói xe ô tô biển số 61K - 473.01 do T mới mua lại và đang chờ kết quả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Sau khi kiểm tra giấy tờ trên bà L đồng ý cầm với giá 250.000.000 đồng và

chuyển vào số tài khoản 9976209292 mở tại Ngân hàng TMCP N1 mang tên Phan Chí T và ghi nội dung chuyển tiền "Cam xe 51K.375.17".

Sau đó, bà L giao xe cho ông Đỗ Chí L1 quản lý giúp bà L nên ông L1 điều khiển xe ô tô trên đến gửi tại bãi xe của ông Nguyễn Thanh B2, địa chỉ: số B, đường L, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) để gửi với giá 30.000 đồng/ ngày. Đến hết hạn thuê xe, ông K không liên hệ được cho T nên kiểm tra định vị xe, rồi đi đến địa chỉ tại số B đường L thì phát hiện xe ô tô biển số 61K-473.01 do T chiếm đoạt cầm cố cho người khác nên làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Căn cứ tại Kết luận giám định số 5769/KL-KTHS(TL-ĐV) ngày 27/12/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Phan Chí Thành” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Phan Chí T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký, viết và in ra.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 577/KL-HĐ ĐGTSTT ngày 12/12/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) kết luận: Xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ELANTRA CN7 1.6 MPI 6AT GL, màu sơn: trắng, năm sản xuất: 2024, nước sản xuất: Việt Nam, biển số: 61K-473.01 vào thời điểm định giá: tháng 11/2024 trị giá 550.000.000 đồng.

Căn cứ tại Kết luận giám định số 3605/KL-KTHS ngày 03/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình Công an Thành phố C1 kết luận: Chữ ký mang tên “Triệu Đức Minh” có trên mẫu cần giám định so với chữ ký của ông Triệu Đức M không phải do cùng một người ký ra.

Vật chứng, tài liệu thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra, màu trắng, biển số 61K-473.01, số máy: G4FGR1512309, số khung: RLULM41BBRT005310. Đây là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn K nên Cơ quan CSĐT Công an Thành phố C1 đã trả tài sản lại cho ông K theo quy định;

- 01 (một) điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Iphone 11, số E: 355435971369987;

- 01 (một) “Hợp đồng thuê xe” lập ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH K2 với Phan Chí T; 01 (một) “Hợp đồng cầm đồ” giữa Dịch vụ cầm đồ Hoàng L2 (đại diện Trần Thị L) với Phan Chí T; 01 (một) “Giấy hẹn” do Đội đăng ký xe thuộc Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 29/10/2024 đối với xe ô tô 61K-473.01 đứng tên chủ sở hữu Phan Chí T.

Tại bản Cáo trạng số 801/CT-VKS-P2 ngày 16/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phan Chí T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Phan Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình trả cho ông Nguyễn Văn K 33.200.000 đồng và bà Trần Thị L 262.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Toà án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” vào năm 2016, mặc dù bị cáo đã chấp hành án xong nhưng cần xem xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Chí T từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại thu giữ của bị cáo.

- Luật sư Phạm Văn B1 bào chữa cho bị cáo Phan Chí T trình bày như sau:

Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo nhưng mức hình phạt mà viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo là nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng tuyên bị cáo mức án thấp nhất.

- Bị cáo Phan Chí T đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không trình bày lời bào chữa bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát và luật sư đều bảo lưu quan điểm và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố C1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, bị hại đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định; kết quả sao kê tài khoản ngân hàng cùng các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do có ý định thuê xe ô tô của người khác đem cầm cố để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, ngày 12/11/2024 bị cáo Phan Chí T đến Công ty TNHH MTV K2 và đưa ra thông tin gian dối là thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra, màu trắng mang biển số 61K-473.01 của ông Nguyễn Văn K để làm phương tiện đi lại. Sau khi nhận xe ô tô trên, T lên trang mạng thuê đối tượng không rõ lai lịch làm giả dấu vuông đỏ có chữ “Đội đăng ký xe - Phòng C1 Công an tỉnh B” và “Giấy hẹn” đề ngày 29/10/2024 của Đội đăng ký xe - Phòng C1 Công an tỉnh B về việc hẹn trả kết quả cấp giấy chứng nhận xe ô tô 61K-473.01 cho T, sau đó T giả chữ ký của cán bộ “Triệu Đức M”, dùng con dấu vuông đã làm giả để đóng vào “Giấy hẹn” và điều khiển xe ô tô biển số 61K - 473.01 đến tiệm C2 để cầm cố chiếc xe trên với giá 250.000.000 đồng, qua đó chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn K.

Theo Kết luận định giá tài sản số 577/KL-HĐ ĐGTSTT ngày 12/12/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) kết luận: Xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ELANTRA CN7 1.6 MPI 6AT GL, màu sơn: trắng, năm sản xuất: 2024, nước sản xuất: Việt Nam, biển số: 61K-473.01 vào thời điểm định giá tháng 11/2024 trị giá 550.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phan Chí T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phạm tội thì bị cáo đã tác động gia đình trả cho ông Nguyễn Văn K 33.200.000 đồng và bà Trần Thị L 262.000.000 đồng nên bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo đã bị Toà án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” vào năm 2016, mặc dù bị cáo đã chấp hành án xong, đã được xóa án tích và được xem là phạm tội lần đầu theo Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 nhưng cần xem xét bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát và luận cứ bào chữa của luật sư về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đã trình bày tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo Phan Chí T đã tác động gia đình khắc phục, trả cho bị hại Nguyễn Văn K số tiền 33.200.000 đồng tiền thuê xe và trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L số tiền 262.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra, màu trắng, biển số 61K-473.01, số máy: G4FGR1512309, số khung: RLULM41BBRT005310. Đây là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an Thành phố C1 đã trả tài sản lại cho ông K theo quy định là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số Imei: 355435971369987 thu giữ của bị cáo Phan Chí T là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 “Hợp đồng thuê xe” lập ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH K2 với Phan Chí T; 01 (một) “Hợp đồng cầm đồ” giữa Dịch vụ cầm đồ Hoàng L2 (đại diện Trần Thị L) với Phan Chí T; 01 (một) “Giấy hẹn” do Đội đăng ký xe thuộc Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 29/10/2024 đối với xe ô tô 61K-473.01 đứng tên chủ sở hữu Phan Chí T. Đây là các vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[8] Đối với các vấn đề khác:

[8.1] Đối với “Giấy hẹn” của Đội đăng ký xe – Phòng C1 Công an tỉnh B phát hành ngày 29/10/2024 không phải là mẫu tài liệu được Phòng C1 Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng làm mẫu chung để phát hành cho người dân khi đăng ký sang tên cho chủ sở hữu xe ô tô. Dấu mộc vuông màu đỏ không phải con dấu được Phòng C1 Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng là con dấu của cơ quan. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý Phan Chí T về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” hoặc hành vi “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Việc bị cáo sử dụng giấy hẹn giả được xem là thủ đoạn để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[8.2] Đối với ông Triệu Đức M, hiện là cán bộ Phòng C1 Công an tỉnh B (nay là Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố C1) không ký vào giấy hẹn đề ngày 29/10/2024 và không biết bị cáo giả chữ ký để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

[8.3] Đối với bà Trần Thị L không biết T chiếm đoạt xe ô tô của ông K nên tin tưởng nhận cầm cố với giá 250.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Chí T 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2025.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số Imei: 355435971369987, điện thoại nứt bể mặt lưng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 2025/712 ngày 17/9/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - Trại tạm giam; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - THADS TPHCM; | (1) |
| - Đường sự; | (4) |
| - Luật sư | (1) |
| - P. PV06 - CA TPHCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) | (8) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Giang